

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 3 - 2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Chí, bà Phan Thị Liên.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mộng Tuyền – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2022 giữa:

*Nguyên đơn:* **P**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn M, huyện T, tỉnh Phú Yên; *Có mặt.*

*Bị đơn:* **H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; *Vắng mặt.*

*Người làm chứng:* Ông S, sinh năm 1965; bà L, sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; bà Y, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; *Cùng có đơn xin vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Nguyên đơn ông P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông P, bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào năm 2011. Sau khi kết hôn, hai bên chung sinh sống ở phía bà H tại thôn A, xã H, sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Sự việc kéo dài và từ cuối năm 2020, ông P bỏ về phía ông ở khu phố P, thị trấn M, huyện T, tỉnh Phú Yên sinh sống. Từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết nên ông P xin được ly hôn bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là B, sinh ngày 04/7/2011 hiện do bà H nuôi dưỡng. Cháu B có nguyện vọng được sống cùng bà H nên ông P thống

nhất giao con cho bà H nuôi dưỡng, ông P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con mà để tự giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* *Bị đơn bà H* đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà H, ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (*Nay là UBND thị trấn M*), huyện T vào ngày 02/11/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Ông P khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hai bên tự xa nhau từ cuối năm 2020 đến nay, không ai quan tâm ai. Những người làm chứng đều khai vợ chồng bà H, ông P có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả, bà H, ông P đã tự xa nhau từ năm 2020 là sự thật. Bà H nói với gia đình việc bà H đồng ý ly hôn với ông P.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông P, bà H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P.

[3] Về con chung:

Xét thấy con chung tên B lâu nay do bà H nuôi dưỡng, đã quen sống cùng bà H. Cháu B có nguyện vọng được sống cùng bà H. Ông P thống nhất giao con cho bà H nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng mà để tự giải quyết. Bà H không đến Tòa, nhưng những người làm chứng là người thân của bà H khai bà H thống nhất nuôi cháu B, không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, để cháu B phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cháu B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này, bà H có yêu cầu cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí DSST: Ông P phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ông P được ly hôn bà H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thái Bin, sinh ngày 04/7/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Ông P phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà ông Phú đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002113 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, Ông P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
  - VKSND H. Tây Hòa;
  - Cục THADS H. Tây Hòa;
  - UBND TT. Phú Thứ, Tây Hòa
- ( *GDKKH số 119, ngày 02/11/2011* );
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Huệ**